

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày: 31/5/2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và bà Phạm Thị Thùy Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Biện Tấn Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 28/4/2023 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) B.

Trụ sở chính: số H, phường C, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S– chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Tấn V- giám đốc Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh P. Địa chỉ: 197-199 đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ông Vinh uỷ quyền cho bà Phan Thị Thu T- Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh P. Địa chỉ: đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S- sinh năm 1987, anh Hồ Đình C- sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Chị S có mặt; anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:

Ngày 14/10/2020, vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S và anh Hồ Đình C có vay của Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh P tổng số tiền là 100.000.000đ (Một

trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020201781 ngày 14/10/2020; mục đích vay là vay tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng), thời hạn vay 48 tháng (kể từ 15/10/2020 đến hết ngày 14/10/2024); với lãi suất 8,5%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm xử lý chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc quá hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng, chia làm 48 kỳ trả nợ, số tiền phải trả từ tháng thứ nhất đến tháng thứ 47: 2.080.000đ, tháng thứ 48 trả 2.240.000đ. Ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/11/2020. Kỳ hạn trả lãi: Lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng và được tính trên dư nợ gốc ban đầu. Ngày trả lãi đầu tiên là 15/11/2020.

Quá trình vay vợ chồng chị S, anh C đã trả cho Ngân hàng được 22 kỳ (trả đến kỳ tháng 8/2022). Tuy nhiên, kể từ ngày 15/9/2022 thì vợ chồng chị S, anh C không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn, hàng kỳ Ngân hàng có nhắn tin, gọi điện để nhắc nợ nhưng vợ chồng chị S, anh C vẫn không trả.

Tính đến ngày 31/5/2023, vợ chồng chị S, anh C còn nợ Ngân hàng số tiền là 61.770.214đ (trong đó tiền gốc 54.239.956đ, tiền lãi trong hạn 6.420.046đ, tiền lãi quá hạn 1.110.212đ)

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị S, anh C phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 31/5/2023 là: 61.770.214đ. Vợ chồng chị S, anh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh S trình bày: Chị S thừa nhận vào ngày 14/10/2020 vợ chồng chị S, anh C có ký hợp đồng tín dụng vay của ngân hàng B tổng số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc; với mục đích vay, thời hạn và lãi suất như Ngân hàng trình bày là đúng. Vợ chồng chị S, anh C đã trả cho Ngân hàng được 22 kỳ (đến kỳ tháng 8/2022).

Tuy nhiên, từ tháng 9/2022 do hoàn cảnh khó khăn, nợ nần nhiều người nên đã không thanh toán cho Ngân hàng khoản vay trên đúng thời hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì chị S đồng ý trả nợ nhưng không có khả năng thanh toán một lần. Chị S xin Ngân hàng xem xét được trả dần hàng tháng với số tiền từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ cho đến khi hết nợ. Quá trình giải quyết vụ án, chị S đã điện thoại thông báo cho anh C, nhưng do anh C nợ nần nhiều người nên bỏ đi khỏi địa phương, chị S không biết anh C hiện đang ở đâu;

- Bị đơn anh Hồ Đình C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng qui định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn anh Hồ Đình C vắng mặt không có lý do; đề nghị HĐXX căn cứ

Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn Hồ Đình C. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng anh C, chị S phải có nghĩa vụ thanh toán cho TMCP B - chi nhánh P toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 31/5/2023 là 61.770.214đ (trong đó tiền gốc 54.239.956đ, tiền lãi trong hạn 6.420.046đ, tiền lãi quá hạn 1.110.212đ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Đình C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Hồ Đình C theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn đăng ký thường trú tại thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020201781 ngày 14/10/2020; được lập thành văn bản, thể hiện chữ ký của người vay tiền chị S, anh C phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn. Đủ cơ sở xác định: giữa TMCP B – chi nhánh tỉnh Phú Yên và vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Hồ Đình C có xác lập hợp đồng tín dụng. Theo đó, vợ chồng chị S, anh C có vay của Ngân hàng TMCP B – chi nhánh tỉnh Phú Yên và được Ngân hàng giải ngân với số tiền là 100.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng; với lãi suất 8,5%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng với số tiền 2.080.000đ, kỳ thứ 48 trả 2.240.000đ. Lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng;

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị S, anh C đã trả được 22 kỳ (đến kỳ ngày 15/8/2022), tuy nhiên kể từ ngày 15/9/2022 thì vợ chồng chị S, anh C không tiếp tục trả tiền theo quy định của Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo từng kỳ của bên vay theo Điều 4, 5 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng (về thời hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, chuyển nợ quá hạn và tất toán toàn bộ khoản vay trước hạn). Vợ chồng chị S, anh C có vay của Ngân hàng nhưng

không trả nợ theo thời hạn là xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt trước thời hạn hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn được trả dần hàng tháng với số tiền từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của kiểm sát viên, buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Hồ Đình C phải trả cho Ngân hàng TMCP B – chi nhánh tỉnh Phú Yên số tiền 61.770.214đ (trong đó tiền gốc 54.239.956đ, tiền lãi trong hạn 6.420.046đ, tiền lãi quá hạn 1.110.212đ). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Hồ Đình C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

[4]. Về án phí: Bị đơn vợ chồng chị S, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Hồ Đình C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B – chi nhánh tỉnh Phú Yên số tiền 61.770.214đ (*Sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn hai trăm mười bốn đồng*) (trong đó tiền gốc 54.239.956đ, tiền lãi trong hạn 6.420.046đ, tiền lãi quá hạn 1.110.212đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng chị S, anh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng chị S, anh C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Hồ Đình C phải chịu 3.088.511đ (*Ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm mười một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B – chi nhánh tỉnh Phú Yên số tiền 1.401.000đ (*Một triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005746 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền